

Cao Việt Hùng, CFA

(028) 7300 7000 (ext: 1049)

hungcv@acbs.com.vn

Báo cáo Cập nhật

Khuyến nghị

MUA

HOSE: VIB

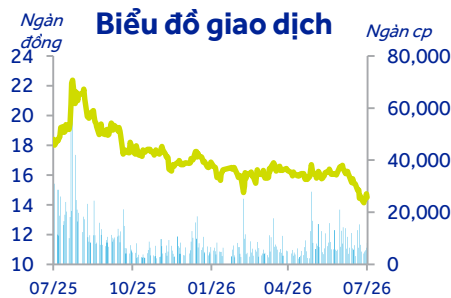
Ngân hàng

Giá mục tiêu (VND)	18.400
Giá hiện tại (VND)	14.500
Tỷ lệ tăng giá	+26,9%
Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng	4,8%
Tổng tỷ suất lợi nhuận	+31,7%

Diễn biến giá cổ phiếu (%)

	YTD	1T	3T	12T
Tuyệt đối	-13.8	-10.6	-9.5	-19.6
Tương đối	-12.4	-4.8	-4.7	-37.7

Nguồn: Bloomberg



Cơ cấu sở hữu

Chủ tịch HĐQT & liên quan	33,5%
TV HĐQT & liên quan	8,5%
Phó CT HĐQT & liên quan	5,7%
Vũ Huy Hoàng	4,6%
Hoàng Văn Anh	2,1%
PYN Elite Fund	2,1%
REE	2,0%
Vũ Hương Giang	1,7%

Thông kê

31-07-26

Mã Bloomberg

VIB VN

Thấp/Cao 52 tuần (VND)	14,050-24,800
SL lưu hành (triệu cp)	3,404
Vốn hóa (tỷ đồng)	49,358
Vốn hóa (triệu USD)	1,870
Room khối ngoại còn lại (%)	1.5
Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%)	77.3
KLGD TB 3 tháng (cp)	7,909,978
VND/USD	26,394
Index: VNIndex / HNX	1735.78/271.25

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)

Chúng tôi giảm 4,7% giá mục tiêu 1 năm xuống 18.400 đồng/cp, chủ yếu do (1) giảm P/E mục tiêu từ 8,0x xuống 7,0x để phản ánh môi trường lãi suất cao hơn và (2) chuyển giá mục tiêu sang giữa năm 2027. Tuy nhiên, chúng tôi nâng khuyến nghị từ KHẢ QUAN lên MUA do giá cp VIB đã giảm 15,5% kể từ báo cáo trước. 6T2026, ngân hàng hoàn thành 45% kế hoạch LNTT và 50% dự phóng của chúng tôi. Cho cả năm 2026F, chúng tôi giảm nhẹ 4% dự báo LNTT xuống 10.453 tỷ đồng, tăng 14,8% svck (kế hoạch ĐHCĐ: tăng 27% svck).

LNTT Q2/26 đạt 2.383 tỷ đồng, giảm 8,2% svck và giảm 15% sv quý trước do chi phí trích lập dự phòng tăng gấp đôi svck và do không còn khoản thu đột biến từ phí mảng thẻ hợp tác với Visa.

Tín dụng tăng trưởng chậm, hết Q2/26 tăng +4% sv đầu năm và +11,4% svck, thấp hơn so với tăng trưởng 8% sv đầu năm và 17% svck của toàn ngành, chủ yếu do nhu cầu vay mua nhà của KH cá nhân giảm và hạn mức tăng trưởng tín dụng chỉ 11-12%. Tỷ trọng cho vay cá nhân chỉ còn chiếm 65,8% dư nợ, từ mức gần 90% năm 2022. NIM phục hồi nhẹ lên 3,23% (+18 bps sv quý trước, dù -4 bps svck) nhờ lãi suất cho vay tăng cao bắt đầu phản ánh đáng kể hơn vào lợi suất tài sản.

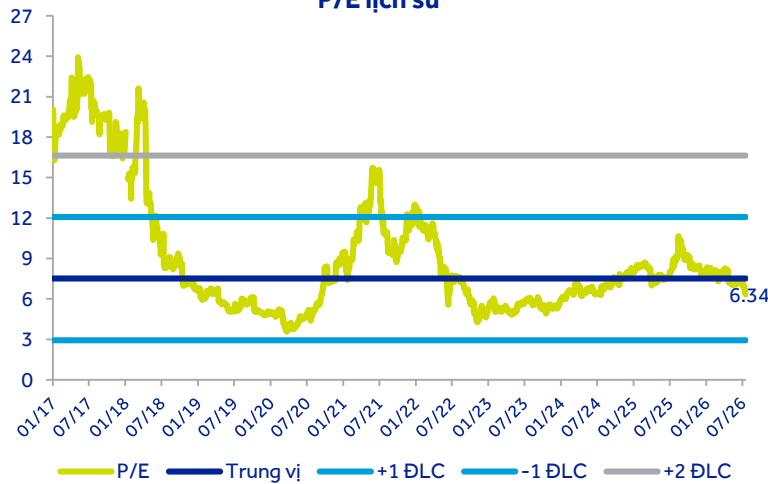
Thu nhập ngoài lãi sụt giảm (-12,9% svck và -45,1% sv quý trước) do mảng kinh doanh ngoại hối bị lỗ 423 tỷ đồng. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy thu từ các mảng khác như thẻ, thanh toán, banca,... đang tích cực trở lại và sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng thu nhập ngoài lãi của VIB trong thời gian tới.

Chất lượng tài sản gặp áp lực, dù đã cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2023-24. Tỷ lệ nợ chuyển quá hạn tăng lên 0,5%/quý – tương đương mức trung bình lịch sử. Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 duy trì ổn định ở mức lần lượt 2,93% và 2,56%. Chi phí trích lập dự phòng hơn 1.200 tỷ đồng/quý, gấp đôi sv nền thấp cùng kỳ năm ngoái để duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu (~43%) và tạo dư địa để xoá sổ nợ xấu.

Với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của VIB phục hồi nhẹ trở lại nhưng trong bối cảnh lãi suất đang duy trì ở mức cao, chúng tôi áp dụng P/E mục tiêu 7x đối với cp VIB – tương đương trung vị lịch sử, theo đó, giá mục tiêu 1 năm là 18.400 đồng/cp.

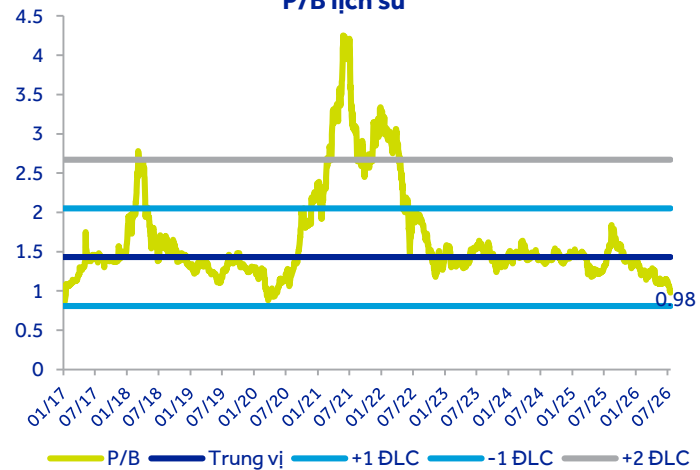
(Đơn vị: tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tăng trưởng tín dụng	14.5%	14.2%	21.5%	17.7%	12.0%	15.0%
NIM	4.93%	5.29%	3.95%	3.24%	3.22%	3.27%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi	17.1%	16.6%	18.6%	19.6%	23.6%	23.6%
Tăng trưởng tổng thu nhập	21.3%	22.7%	-7.2%	-2.7%	17.6%	15.6%
CIR	34.3%	29.8%	35.1%	37.2%	33.2%	33.0%
Chi phí tín dụng (%)	0.58%	1.93%	1.47%	0.98%	1.30%	1.30%
LN trước thuế	10,581	10,704	9,004	9,105	10,453	12,243
Tăng trưởng	32.1%	1.2%	-15.9%	1.1%	14.8%	17.1%
LNST sau lợi ích CĐTS	8,469	8,563	7,204	7,285	8,364	9,797
LN thuộc về cổ đông	8,358	8,453	7,112	7,192	8,257	9,672
EPS điều chỉnh (VND)	2,455	2,483	2,089	2,113	2,426	2,841
BVPS (VND)	9,592	11,146	12,298	13,779	15,305	17,446
ROA	2.6%	2.3%	1.6%	1.4%	1.4%	1.5%
ROE	29.7%	24.3%	18.1%	16.4%	16.9%	17.6%
CAR (Basel 2)	12.8%	11.7%	11.9%	11.4%	11.3%	11.2%
P/E (x)	7.7	7.9	9.4	9.3	6.1	5.2
P/B (x)	2.0	1.8	1.6	1.4	1.0	0.8
Cổ tức (VND)	-	1,500	1,250	700	900	700
Tỷ suất cổ tức	0.0%	7.9%	6.4%	3.6%	4.6%	4.7%

P/E lịch sử



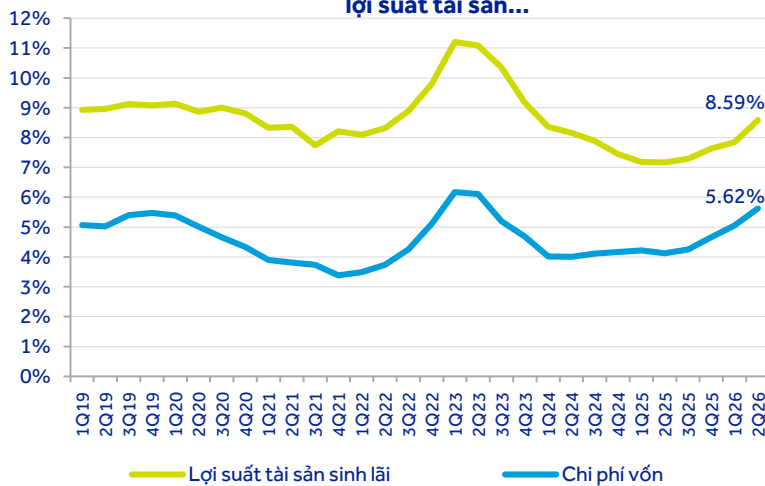
Nguồn: FiinPro-X, ACBS

P/B lịch sử



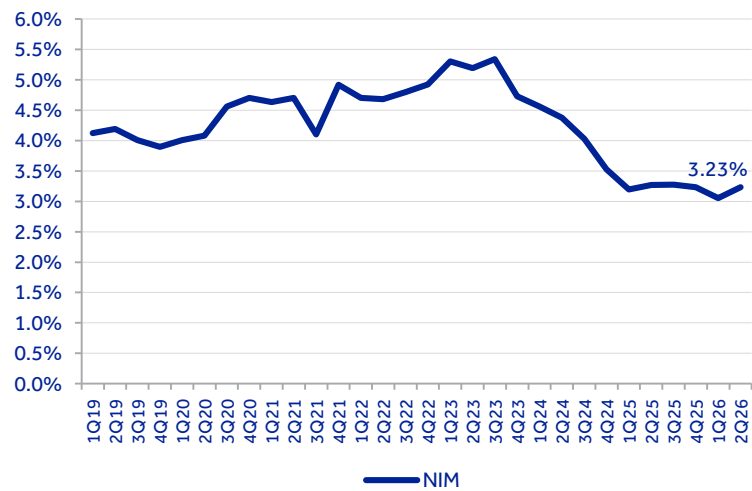
Nguồn: FiinPro-X, ACBS

Lãi suất cho vay cao bắt đầu phản ánh rõ nét hơn vào lợi suất tài sản...



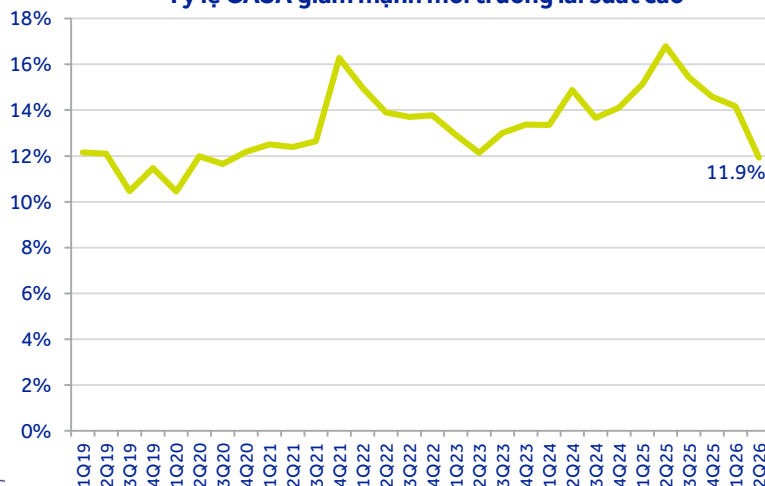
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

... giúp NIM phục hồi



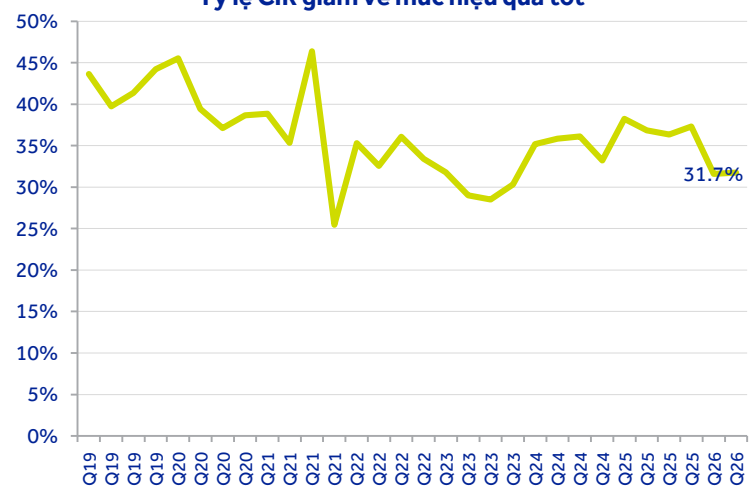
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Tỷ lệ CASA giảm mạnh môi trường lãi suất cao



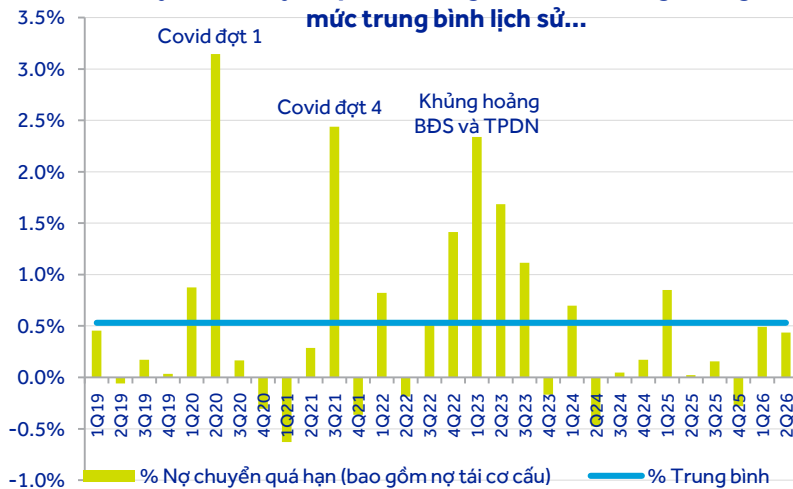
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Tỷ lệ CIR giảm về mức hiệu quả tốt



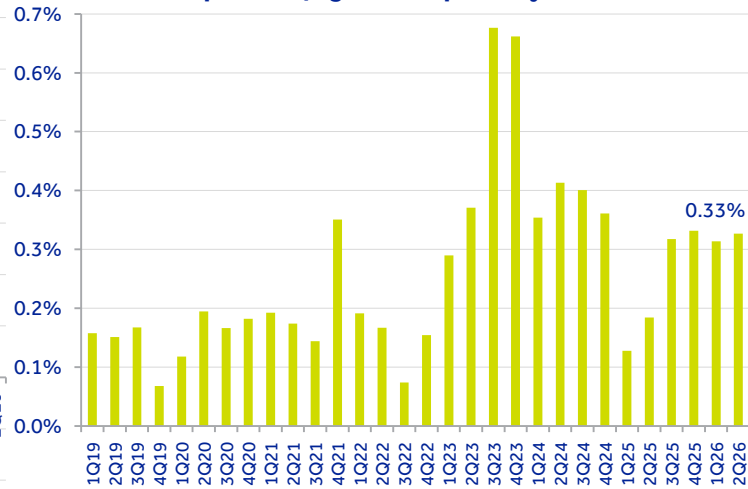
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Tỷ lệ nợ chuyển quá hạn tăng trở lại lên tương đương mức trung bình lịch sử...



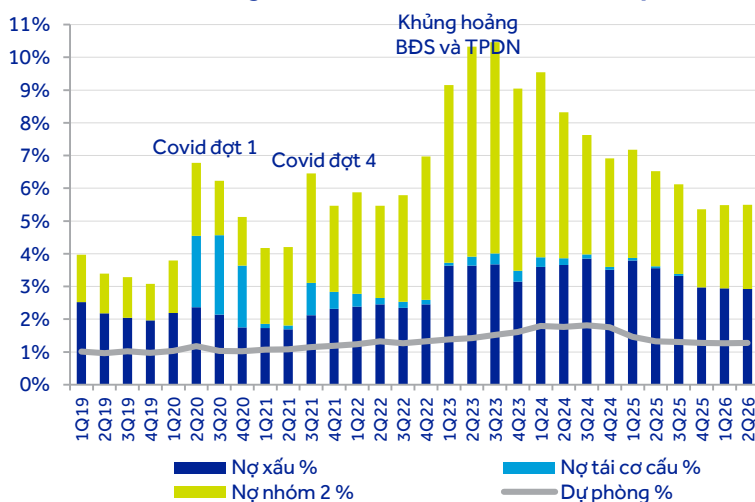
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

... chi phí tín dụng theo đó phải duy trì ở mức cao



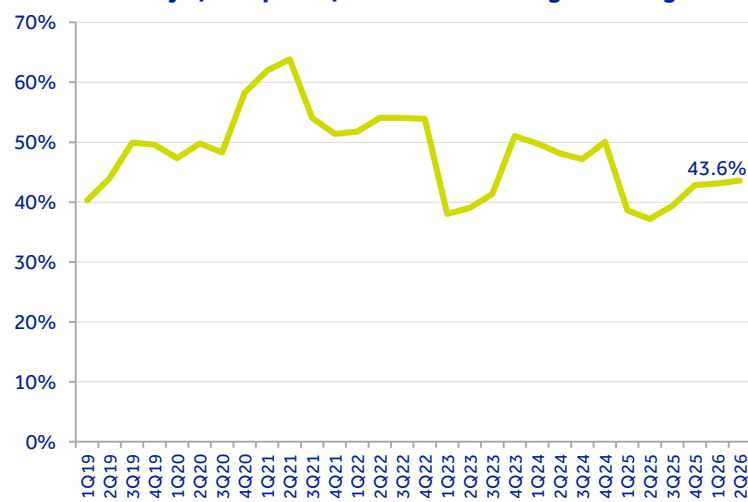
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Chất lượng tài sản ổn định dù vẫn còn chịu áp lực



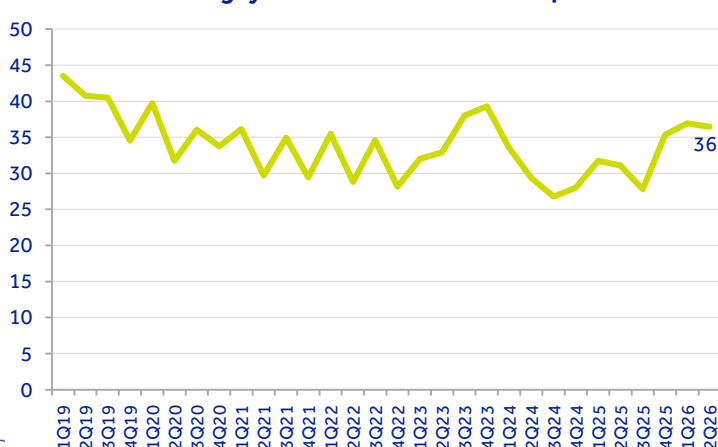
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn còn tương đối mỏng



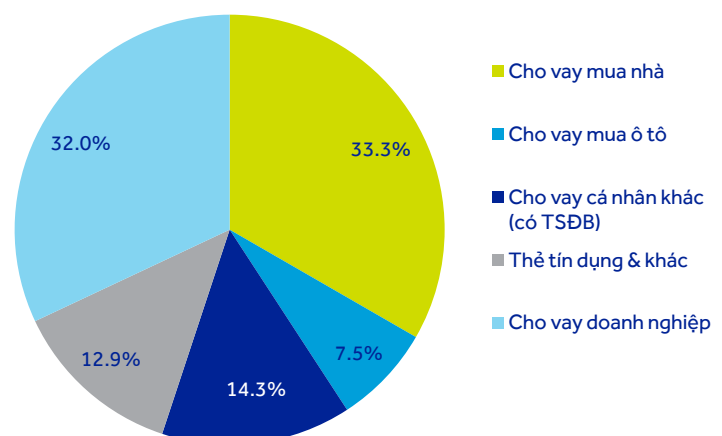
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Số ngày thu lãi vẫn ở mức lành mạnh



Nguồn: VIB, ACBS ước tính

Cơ cấu danh mục tín dụng



Nguồn: VIB, ACBS ước tính

(Đơn vị: tỷ đồng, trừ khi chú thích khác)	Giá hiện tại (đồng):	14.500	Giá mục tiêu (đồng):	18.400	Vốn hóa (tỷ đồng):	50.209
KẾT QUẢ KINH DOANH	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	14,963	18,484	16,750	16,092	17,974	20,794
Lợi nhuận từ dịch vụ	3,188	2,203	1,765	2,105	5,053	4,548
Lợi nhuận khác	(93)	1,473	2,053	1,809	496	1,858
Tổng thu nhập	18,058	22,160	20,569	20,007	23,523	27,200
Tăng trưởng (%)	21.3%	22.7%	-7.2%	-2.7%	17.6%	15.6%
Chi phí hoạt động	(6,197)	(6,611)	(7,211)	(7,435)	(7,807)	(8,978)
LN trước dự phòng	11,861	15,550	13,358	12,572	15,716	18,222
Chi phí dự phòng	(1,280)	(4,846)	(4,353)	(3,467)	(5,264)	(5,979)
LN trước thuế	10,581	10,704	9,004	9,105	10,453	12,243
Tăng trưởng (%)	32.1%	1.2%	-15.9%	1.1%	14.8%	17.1%
LN sau thuế (sau lợi ích CĐTS)	8,469	8,563	7,204	7,285	8,364	9,797
LN thuộc về cổ đông	8,358	8,453	7,112	7,192	8,257	9,672
EPS điều chỉnh (VND)	2,455	2,483	2,089	2,113	2,426	2,841
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)	233,816	267,113	324,602	381,972	427,809	491,980
Tăng trưởng (%)	14.5%	14.2%	21.5%	17.7%	12.0%	15.0%
Tiền gửi khách hàng	200,124	236,577	276,308	294,578	329,927	379,416
Tăng trưởng (%)	15.3%	18.2%	16.8%	6.6%	12.0%	15.0%
Tổng tài sản	342,799	409,881	493,158	556,098	622,395	715,229
Vốn chủ sở hữu	32,651	37,940	41,862	46,905	52,098	59,387
BVPS (VND)	9,592	11,146	12,298	13,779	15,305	17,446
CHỈ SỐ	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.5%	3.1%	3.5%	3.0%	3.2%	3.1%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	53.9%	51.0%	50.1%	42.9%	42.6%	43.8%
NIM (%)	4.9%	5.3%	3.9%	3.2%	3.2%	3.3%
CIR (%)	34.3%	29.8%	35.1%	37.2%	33.2%	33.0%
ROA (%)	2.6%	2.3%	1.6%	1.4%	1.4%	1.5%
ROE (%)	29.7%	24.3%	18.1%	16.4%	16.9%	17.6%
CAR Basel 2 (%)	12.8%	11.7%	11.9%	11.4%	11.3%	11.2%
P/E (x)	7.7	7.9	9.4	9.3	6.1	5.2
P/B (x)	2.0	1.8	1.6	1.4	1.0	0.8
Suất sinh lợi cổ tức (%)	0.0%	7.9%	6.4%	3.6%	4.6%	4.7%

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CÁC NGÂN HÀNG

(Đơn vị: tỷ đồng)

Mã CK	Sàn	Vốn hóa 30/07/26	Tổng tài sản Q1/26	Vốn chủ sở hữu Q1/26	Tỷ lệ nợ xấu Q1/26	Tỷ lệ nợ nhóm 2 Q1/26	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu Q1/26	ROA (TTM)	ROE (TTM)	CAR (Basel 2) 2025	P/E	P/B
BID	HOSE	262,082	3,388,222	190,623	1.8%	1.4%	86.9%	1.0%	18.4%	9.2%	8.2	1.4
CTG	HOSE	225,630	2,924,177	188,692	1.0%	1.1%	167.2%	1.4%	21.9%	9.9%	5.9	1.2
VCB	HOSE	451,206	2,550,963	234,031	0.6%	0.2%	253.4%	1.5%	16.1%	11.6%	12.6	1.9
MBB	HOSE	177,613	1,611,223	149,745	1.4%	1.1%	92.2%	1.9%	20.9%	11.0%	6.4	1.2
VPB	HOSE	206,282	1,372,010	186,605	3.6%	3.2%	52.8%	2.1%	16.4%	14.4%	7.9	1.2
TCB	HOSE	211,170	1,190,454	186,683	1.1%	0.7%	129.4%	2.3%	15.6%	14.6%	8.1	1.2
ACB	HOSE	130,019	1,030,901	98,751	1.0%	0.7%	114.0%	1.7%	17.5%	12.5%	8.0	1.3
HDB	HOSE	129,887	984,216	83,186	2.6%	2.7%	50.0%	2.0%	24.0%	16.7%	7.3	1.6
SHB	HOSE	64,124	930,983	71,723	2.6%	0.6%	71.2%	1.4%	18.1%	12.6%	4.7	0.9
STB	HOSE	135,736	859,572	61,477	6.6%	1.2%	53.2%	0.5%	7.6%	9.2%	-	2.2
LPB	HOSE	159,820	580,860	49,472	1.8%	1.1%	69.7%	2.0%	24.7%	11.9%	14.3	3.2
VIB	HOSE	49,698	564,146	49,144	2.9%	2.6%	43.1%	1.4%	16.4%	11.4%	6.5	1.0
TPB	HOSE	38,837	527,169	48,034	2.2%	2.5%	58.4%	1.5%	17.9%	18.9%	5.3	0.9
MSB	HOSE	50,076	412,911	43,978	2.7%	1.3%	51.6%	1.6%	14.1%	12.5%	8.5	1.1
NAB	HOSE	26,985	409,207	24,680	1.8%	0.6%	56.5%	1.2%	19.7%	11.2%	5.7	1.1
SSB	HOSE	53,661	403,198	41,482	2.2%	0.8%	68.0%	0.8%	7.7%	13.4%	17.2	1.3
OCB	HOSE	31,850	344,098	34,901	3.5%	2.0%	55.6%	1.3%	12.7%	12.3%	7.5	0.9
EIB	HOSE	32,877	269,958	26,434	3.1%	1.6%	37.8%	0.3%	2.9%	12.4%	-	1.2
ABB	UPCoM	27,373	250,098	17,903	0.8%	1.2%	122.6%	1.6%	21.2%	11.4%	6.6	1.5
BAB	HNX	12,448	193,570	13,609	1.9%	0.5%	68.0%	0.6%	9.2%	10.1%	10.2	0.9
VBB	HOSE	16,525	190,211	12,562	3.4%	1.2%	45.1%	0.6%	10.5%	13.4%	12.2	1.3
NVB	HNX	33,633	173,504	13,809	7.3%	0.7%	18.1%	0.0%	0.6%	-	-	2.4
VAB	HOSE	8,204	142,390	10,570	1.3%	0.0%	91.6%	1.0%	14.4%	9.4%	5.7	0.8
BVB	HOSE	8,363	136,884	7,657	3.1%	1.4%	45.7%	0.4%	7.1%	13.3%	15.7	1.1
KLB	HOSE	8,464	108,968	8,796	1.9%	1.2%	85.5%	2.0%	24.7%	14.4%	4.3	1.0
PGB	UPCoM	7,337	86,711	8,081	4.0%	2.8%	31.2%	0.9%	10.4%	10.6%	8.8	0.9
SGB	UPCoM	4,582	35,505	4,267	3.5%	9.3%	29.3%	0.3%	2.7%	15.6%	-	1.1
Trung bình		94,981	802,671	69,144	2.6%	1.6%	75.8%	1.2%	14.6%	12.5%	8.6	1.3
Trung vị		49,698	412,911	43,978	2.2%	1.2%	58.4%	1.4%	16.1%	12.4%	7.9	1.2

Nguồn: Fiinpro-X, ACBS

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Xuân Hoà, TP. HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội

Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ

MUA	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.
KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
TRUNG LẬP	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.
KÉM KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
BÁN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

KHUYẾN CÁO

Vui lòng nhấp vào [đây](#) để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:
https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf